

**DANH SÁCH NGƯỜI DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN THỰC HÀNH
VÒNG 2**

(Kèm theo Thông báo số 2408/TB-GDDT-TC ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Buổi sáng, ngày 18/07/2019

TT	Mã thí sinh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
1	MH19_13	HUỖNH TẤN TÀI	04/11/1991	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
2	TQ19_65	LÊ THANH AN	30/12/1986	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
3	KL19_89	VÕ THỊ NGỌC TÂM	24/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
4	LT19_95	LÊ BÁ HOÀNG PHÁT	22/10/1996	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
5	HD19_96	VÕ MINH NHÂN	26/02/1995	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
6	TT19_140	PHAN THỊ DUNG	08/08/1991	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
7	TQ19_153	VẠN THỊ KIM	02/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
8	LT19_161	TRẦN VĂN TRÍ	17/01/1995	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
9	LN19_197	VÕ THỊ MỸ LINH	05/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
10	TQ19_212	ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG	20/12/1979	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
11	HL19_242	CAO THỊ THU HIỀN	06/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
12	TQ19_245	LÊ THỊ TỨ	11/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
13	BN19_249	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	15/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
14	LT19_255	ĐẶNG THỊ THẨM	23/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
15	HL19_268	LÂM NHẬT TRƯỜNG	07/03/1997	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
16	HL19_274	TRẦN THỊ THU HIỀN	19/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
17	BN19_324	LÊ THỊ TUYẾT NGÀ	16/06/1989	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
18	KL19_412	DƯƠNG NGỌC THUẬN	19/02/1991	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
19	BN19_459	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	22/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
20	TT19_468	NGÔ THANH HỒNG	13/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
21	HL19_486	ĐỖ THỊ TRÀ MY	02/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
22	LT19_547	PHAN THỊ THÙY NHUNG	20/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
23	LN19_553	NGUYỄN VĂN MIỀN	26/01/1994	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
24	TQ19_680	THÁI THỊ BÍCH TRÂM	20/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
25	TT19_3	LÊ VŨ CẢNH	10/01/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
26	HL19_6	LÊ LỢI LAN VÂN	03/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
27	LT19_9	CAO THỊ DUYÊN	23/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
28	LN19_29	NGUYỄN THỊ CHIỀU ANH	10/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
29	HL19_147	TẠ NHŨ MINH PHƯƠNG	20/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
30	KL19_178	VÕ THỊ HẰNG	02/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	
31	LT19_210	NGUYỄN THỊ BÉ	02/05/1987	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GD CD 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
32	LN19_228	VÕ THỊ DIỄM	12/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
33	KL19_288	CHÂU HOÀI NAM	10/01/1991	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
34	HD19_351	ĐỖ THỊ THANH XUÂN	08/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
35	TA19_355	LÊ THỊ KIỀU OANH	20/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
36	HD19_389	NGUYỄN HOÀNG HẢI	14/12/1984	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
37	TT19_458	NGUYỄN VĂN DỰ	12/04/1989	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
38	KL19_478	NGUYỄN TÂM HIỀN	04/05/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
39	HD19_522	CHÂU HỒNG PHÚC	02/09/1993	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
40	BN19_557	THÔNG MINH TÈO	18/10/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
41	BN19_617	TẠ VŨ CÔNG THÀNH	10/04/1992	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
42	LN19_681	NGUYỄN THỊ NHẬT TUYỀN	24/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
43	MH19_694	ĐINH THỊ HOA	14/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
44	LT19_705	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	23/01/1990	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
45	TT19_55	DƯƠNG VĂN HIỆP	20/04/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
46	HL19_86	VŨ THỊ DUNG	06/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
47	MH19_91	PHAN TÂN QUỐC	27/09/1995	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
48	LN19_92	ĐINH CÔNG VÂN	25/04/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
49	TQ19_101	NGUYỄN ĐÌNH NHÃN	02/05/1995	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
50	TQ19_110	NGUYỄN VĂN HOÀI DƯƠNG	20/05/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
51	HD19_117	NGUYỄN AN KHƯƠNG	15/02/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
52	MH19_131	NGUYỄN HỮU MẠNH	04/10/1993	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
53	LN19_134	HUỲNH THỊ DIỆU LÝ	30/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
54	KL19_135	LÊ KHẮC HUY	07/02/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
55	LT19_139	NGUYỄN VĂN QUỐC CƯỜNG	15/08/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
56	LT19_146	HUỲNH THỊ NGỌC TRẦN	03/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
57	BN19_215	VÕ THÀNH ĐẠT	04/12/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
58	MH19_230	NGUYỄN THÀNH VIỆT	24/02/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
59	HL19_337	NGUYỄN ĐỨC TÀI	04/11/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
60	TT19_339	NGUYỄN CẨM HỒNG	08/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
61	HD19_344	PHAN THỊ CẨM TÚ	07/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
62	TT19_408	NGUYỄN TRUNG	03/06/1993	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
63	LN19_422	PHẠM THỊ THIÊN	18/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
64	BN19_453	HUỲNH THỊ THANH HUỆ	13/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
65	HL19_456	NGUYỄN TRUNG THÀNH	25/09/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
66	TQ19_460	LÊ MINH CHIẾN	10/05/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
67	HL19_506	LÊ HOÀNG HẢI	03/05/1985	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	<i>Nguyễn</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
68	TQ19_507	NGUYỄN THANH BÌNH	27/09/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
69	LN19_1	LÝ HẢI ĐĂNG	29/04/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
70	TQ19_7	MẠC THÙY TRÂM	02/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
71	TT19_8	LÊ THỊ HOA MẶN	12/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
72	TT19_11	HỒ SĨ THUẬN	19/03/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
73	TQ19_20	HOÀNG THỊ TUYẾT	15/02/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
74	KL19_21	NGUYỄN LÊ ANH PHƯƠNG	30/04/1984	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
75	HL19_23	TRẦN THỊ THANH THÙY	04/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
76	MH19_24	LUU MINH CHÁNH	19/09/1987	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
77	HD19_28	TRẦN LÊ NGỌC TRÂM	01/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
78	TT19_31	NGUYỄN THỊ CẨM THI	28/09/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
79	TQ19_59	PHẠM BẢO QUÝ	25/08/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
80	TT19_60	NGUYỄN THỊ MỘNG TRINH	25/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
81	HD19_61	LÊ THỊ HƯƠNG	06/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
82	LN19_71	NGUYỄN MINH QUÂN	10/04/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
83	KL19_72	TRẦN THỊ LY NA	20/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
84	TT19_79	PHẠM HOÀNG ÁNH TUYẾT	06/09/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
85	TQ19_87	TRẦN LÊ PHƯƠNG UYÊN	08/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
86	LT19_104	HUỖNH MẶN MẶN	23/03/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
87	TQ19_106	TRƯƠNG THỊ MỸ	03/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
88	LN19_144	HUỖNH NGỌC SANG	01/06/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
89	TQ19_148	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	02/10/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
90	HL19_149	ĐINH HOÀNG NGỌC HÙNG	18/05/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
91	BN19_152	TRANG THANH TÚ	06/11/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
92	HD19_160	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	11/08/1988	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
93	TT19_172	PHAN THỊ HOÀNG YẾN	26/11/1988	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
94	KL19_173	NGUYỄN THỊ HÀ	02/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
95	TQ19_175	NGUYỄN LÊ THUẬN	29/04/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
96	HL19_176	PHAN THỊ NGỌC TRINH	11/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
97	TT19_182	NGUYỄN THỊ ÁNH DIỄM	02/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
98	HL19_184	TRẦN THỊ LOAN	04/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
99	TT19_194	NGUYỄN THỊ NGOAN	28/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
100	HL19_204	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRẦN	29/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
101	TQ19_208	HOÀNG HƯƠNG THẢO	19/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
102	LN19_211	NGUYỄN HỒNG NGỌC	02/04/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
103	TQ19_219	PHẠM LÊ THANH	09/12/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
104	HL19_220	NGUYỄN HOÀNG HUY	25/06/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
105	KL19_221	HỨA THỊ THANH THÙY	07/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
106	TT19_232	NGUYỄN VĂN THẮNG	01/05/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
107	BN19_233	TRẦN THỊ THÙY TIỀN	27/09/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
108	BN19_240	NGUYỄN HOÀNG TIẾN VINH	19/08/1989	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
109	HD19_250	PHẠM THANH THIÊN	17/04/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
110	TQ19_258	NGUYỄN VĂN THÀNH	18/02/1990	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
111	HL19_277	NGÔ THỊ QUỲNH	08/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
112	HD19_281	ĐẶNG LÊ KIM PHỤNG	05/01/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
113	MH19_289	NGUYỄN QUỐC HÙNG	09/11/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
114	MH19_297	ĐẶNG XUÂN HẢI	24/11/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
115	BN19_305	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	17/10/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
116	LN19_306	NGUYỄN THỊ MINH THU	01/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
117	MH19_320	ĐẶNG TRỌNG NGHĨA	09/06/1987	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
118	KL19_323	TRẦN HẢI PHƯƠNG	06/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
119	TT19_325	NGUYỄN THỊ QUÊ MINH	20/02/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
120	TT19_326	PHẠM NGỌC TUẤN	16/04/1992	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
121	LN19_327	LÊ NHẬT THÙY	28/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
122	MH19_328	TRẦN ĐẠI QUỲNH	13/05/1991	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
123	LT19_330	Lê Hoàng Nam	03/07/1991	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
124	LN19_343	VÕ THỊ PHƯƠNG THANH	02/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
125	LN19_349	NGUYỄN THỊ DUNG	05/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
126	HL19_354	PHẠM THỊ HUỆ	10/10/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
127	HD19_356	TRẦN TẤN PHƯỚC	14/02/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
128	TQ19_365	PHẠM THỊ THU THÚY	10/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
129	LN19_372	NGUYỄN MINH THÁI	04/12/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
130	BN19_379	VÕ BẢO HƯNG PHƯỚC ĐÀO	25/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
131	LN19_382	PHẠM THỊ THƯƠNG	14/10/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
132	BN19_385	LÊ TUẤN ĐẠT	30/08/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
133	HL19_395	NGÔ THÙY TRANG	20/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
134	LN19_397	VÕ NGỌC LAN	24/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
135	LT19_398	ĐOÀN ANH THƯ	07/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
136	MH19_411	NGUYỄN TUYẾT MINH	06/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
137	LT19_413	NGUYỄN THỊ NGỌC NƯƠNG	11/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
138	TT19_414	BÙI THỊ KIM NGÂN	04/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
139	KL19_428	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	10/11/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
140	HL19_435	TRẦN THỊ BÀ Y	04/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
141	BN19_441	ĐINH THỊ NGỌC QUYÊN	10/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
142	MH19_444	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/08/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
143	HL19_450	HÀ TRỌNG PHA	25/11/1991	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
144	HL19_454	NGÔ NGỌC HỢP	28/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
145	LT19_492	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	22/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
146	BN19_499	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	18/09/1988	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
147	LT19_505	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/08/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
148	TT19_517	TRẦN THỊ BẢO QUỲNH	02/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
149	TQ19_518	TRẦN THỊ NGỌC MAI	16/08/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
150	HL19_520	LÊ MINH QUỐC	28/10/1987	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
151	HL19_542	TRẦN MINH HIỀN	25/10/2019	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
152	TT19_549	HUỶNH VĂN TOÀN	26/09/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
153	LT19_556	PHAN THANH TẤN	16/12/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
154	HD19_559	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	10/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
155	TQ19_563	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	01/01/1988	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
156	BN19_570	LƯƠNG THỊ DIỄM PHƯƠNG	17/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
157	LN19_577	TRỊNH THỊ THU THỦY	01/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
158	LT19_591	NGUYỄN THỊ ÁI THU	26/02/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
159	TT19_598	PHAN THỊ THANH TUYỀN	13/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
160	TQ19_601	NGUYỄN QUỐC BẢO	06/12/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
161	BN19_602	TRẦN HỒNG NGỌC NGÂN	28/06/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
162	HL19_607	LÊ PHẠM HỮU TÂM	03/07/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
163	HD19_611	CAO NHẬT NAM	09/07/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
164	HD19_620	TRẦN VĂN TIẾN	14/05/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
165	BN19_12	NGUYỄN THỊ MỸ	07/03/1991	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
166	LN19_37	NGUYỄN THANH HỒNG ÂN	26/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
167	BN19_43	CHÂU NGỌC YẾN	11/02/1984	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
168	HL19_45	NGUYỄN THỊ KIM HẬU	11/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
169	HD19_103	LÊ THỊ DUNG	23/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
170	BN19_224	TRẦN THỊ KIM NGÂN	06/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
171	KL19_238	DƯƠNG THỊ THANH NGÀ	05/07/1989	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
172	BN19_257	ĐẶNG THỊ THÚY	16/04/1991	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
173	MH19_293	PHAN THỊ XUÂN ĐÀO	08/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
174	KL19_370	KIM THỊ THỦY TRANG	01/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
175	TQ19_375	NGUYỄN THỊ HIẾU	20/08/1988	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	

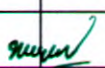
TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
176	TQ19_399	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	19/07/1996	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
177	TT19_420	NGUYỄN TUẤN ANH	14/07/1996	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
178	HL19_426	PHÙNG QUỐC HƯƠNG	07/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
179	LN19_469	NGUYỄN NHẬT TÚ	17/10/1995	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
180	BN19_473	ĐOÀN HƯƠNG THỊ KIỀU MI	01/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
181	KL19_503	LÊ ĐỨC TIỀN	22/08/1996	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
182	LT19_524	NGUYỄN THANH KIM NGỌC	12/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
183	LN19_546	LÊ THỊ HẰNG	19/10/1991	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
184	HL19_575	PHẠM VĂN DŨNG	11/04/1995	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
185	TT19_616	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI	13/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
186	TQ19_641	LÊ THỊ HƯƠNG	30/09/1984	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
187	LN19_648	PHẠM NGỌC DIỄM	01/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
188	LT19_675	SÀM THÙY NGỌC NHI	10/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
189	HL19_10	LÂM THỊ HUYỀN TRẦN	11/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
190	LN19_35	ĐẶNG HUY PHÚ	08/06/1996	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
191	TT19_50	NGUYỄN NGỌC NHƯ THẢO	28/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
192	BN19_52	LÊ THỊ CÚC	23/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
193	MH19_85	LÊ NGUYỄN HỒNG CHÂU	01/09/1983	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
194	MH19_111	HUỲNH TRÂM ANH	05/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
195	LN19_112	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	14/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
196	MH19_120	NGUYỄN THU HÀ	01/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
197	HL19_141	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	09/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
198	HD19_142	TRẦN NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	11/12/1988	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
199	LT19_174	DƯƠNG YẾN NHI	08/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
200	TT19_199	NGUYỄN THỊ MINH	13/09/1989	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
201	LN19_202	LÊ THỊ MỘNG NHI	08/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
202	LN19_216	NGUYỄN TRƯƠNG ĐON	02/04/1996	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
203	LT19_217	LÊ PHAN THANH NHÀN	10/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
204	TT19_227	LƯƠNG THỊ THỦY LINH	17/02/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
205	LN19_244	HÀ VĂN VỤ	07/01/1989	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
206	LN19_251	TẠ VĂN HOÀI THANH	29/05/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
207	KL19_259	ĐỖ THỊ MỸ DUYỀN	02/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
208	LT19_261	RNAH SÔL	08/12/1992	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
209	LT19_271	PHAN QUỲNH ANH	14/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
210	TQ19_273	VÕ HỒNG HẢO	14/06/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
211	HL19_279	NGUYỄN THỊ KIM ANH	05/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	<i>Nguyễn</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
212	LT19_292	TRẦN THỊ TÂM	02/03/1985	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
213	LN19_294	TRẦN THỊ TRANG	22/10/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
214	BN19_335	HÀ NGÂN TRANG	01/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
215	LT19_338	HỒ THỊ THANH THƯƠNG	27/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
216	LT19_345	BÙI THỊ NGỌC TUYỀN	04/12/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
217	TT19_346	NGUYỄN THỊ HUỆ	03/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
218	TT19_350	TRẦN THỊ KIM THOẠI	04/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
219	TQ19_352	NGUYỄN THỊ THÚY	02/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
220	HL19_366	MẠC THỊ TRÚC LINH	30/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
221	LN19_407	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	14/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
222	TQ19_409	NGUYỄN THỊ DUYÊN	24/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
223	BN19_419	VŨ HỒNG LÝ	07/02/1990	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
224	LT19_430	LÊ MINH TÚ	10/10/1996	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
225	TQ19_431	PHẠM TỔNG NGÀ	06/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
226	BN19_432	TRẦN THANH ĐẠM	27/06/1991	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
227	LN19_433	LÊ THỊ HƯỜNG	12/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
228	HD19_434	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	24/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
229	KL19_437	TẠ HUỲNH TIỂU LINH	29/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
230	MH19_439	ĐỖ GIA LINH	27/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
231	LT19_445	TRẦN THỊ HOÀI VÂN	21/07/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
232	MH19_472	VÕ NGỌC THANH	22/10/1995	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
233	LT19_481	HỒ THỊ HẢI LÝ	07/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
234	HL19_482	TẠ UYÊN VY	08/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
235	LN19_497	BÙI THỊ LINH	18/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
236	TQ19_529	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	05/04/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
237	BN19_550	PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG	08/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
238	MH19_555	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	18/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
239	LN19_46	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	23/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
240	LN19_58	TỪ BỘI HOA	16/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
241	LN19_67	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
242	TQ19_77	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	16/12/1996	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
243	LT19_177	ĐỖ THỊ NGUYỄN LỘC	23/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
244	HL19_198	TRẦN THỊ DUNG	24/11/1985	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
245	LT19_223	LÝ MINH TUẤN	19/01/1990	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
246	LN19_225	TRỊNH THANH GIANG	25/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
247	HL19_262	NGUYỄN TRUNG HIỆU	06/11/1996	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	

Thuy

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
248	MH19_265	ĐẬU THỊ MINH	28/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
249	LT19_266	NGUYỄN THỊ LỆ XUÂN	10/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
250	KL19_283	TRẦN DƯƠNG QUỐC ANH	13/11/1996	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
251	BN19_299	PHAN NGUYỄN HƯƠNG GIANG	19/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
252	TQ19_321	TRỊNH XUÂN CƯƠNG	09/01/1995	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
253	HL19_329	NGUYỄN MINH TIỀN	17/10/1996	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
254	TT19_359	DƯƠNG THỊ THANH AN	26/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
255	LT19_424	NGUYỄN THỊ TRANG	30/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
256	TT19_448	NGUYỄN VIỆT SỬ	18/12/1995	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
257	LN19_480	TRẦN THUY THẠCH THẢO	22/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
258	MH19_501	ĐẶNG KIM XUYỀN	01/01/1984	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
259	TQ19_502	ĐOÀN THỊ THANH YẾN	05/10/1990	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
260	TT19_509	LỤC PHẠM MINH TUẤN	07/11/1990	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
261	TT19_541	BÙI QUANG NAM	16/12/1993	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
262	BN19_578	LỮ THỊ THANH NGÀ	12/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
263	TT19_603	NGUYỄN NGỌC HUỲNH TRÂM	14/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
264	LT19_644	NGUYỄN VĂN BÉ HAI	17/05/1997	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
265	LN19_658	LÊ HỒ CẨM VÂN	17/08/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
266	LT19_691	ĐỖ MỸ DUYÊN	11/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
267	BN19_714	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	26/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
268	HL19_733	ĐẶNG KIM THI	10/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
269	TQ19_754	THÁI LÂM NGỌC BẢO TRÂM	03/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
270	HL19_760	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	31/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
271	KL19_761	NGUYỄN THỊ TRÚC THẢO	08/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
272	LN19_765	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	08/01/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
273	LT19_775	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	10/05/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
274	MH19_782	HOÀNG THỊ BÍCH THẢO	20/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
275	BN19_785	PHAN THỊ HẠNH TIỀN	21/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
276	LT19_788	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	10/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
277	HD19_793	ĐINH THỊ THU HIỀN	22/11/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
278	LN19_798	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	04/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
279	LT19_816	LÊ THỊ ANH	23/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
280	KL19_821	ĐỖ THỊ HỒNG ÂN	14/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
281	HL19_869	ĐINH THỊ HOÀI THƠ	22/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
282	TT19_870	NGÔ THỊ CẨM TIỀN	19/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
283	LN19_5	TRỊNH XUÂN NGUYỄN	18/12/1991	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	<i>quyên</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
284	LN19_42	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	26/05/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
285	KL19_113	TRẦN DUY HÙNG	24/02/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
286	TQ19_114	NGUYỄN TRUYỀN THUYẾT	20/11/1990	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
287	BN19_115	VÕ NGỌC ANH THƯ	12/02/1990	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
288	HL19_136	NGUYỄN THỊ DUYÊN	20/10/1984	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
289	LN19_164	ĐOÀN NGUYỄN DUY LINH	20/04/1994	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
290	TT19_165	DANH LÔ	16/06/1992	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
291	BN19_166	LÊ ĐỨC LÂN	12/02/1994	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
292	KL19_169	NGUYỄN TRỌNG THUẬN	26/11/1994	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
293	HD19_185	HỒ THỊ HÀ	16/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
294	TQ19_189	DANH PHỔ	03/04/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
295	TT19_190	MANG THANH	10/01/1990	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
296	TT19_247	ĐỖ VĂN THƯƠNG	04/11/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
297	MH19_248	NGUYỄN MINH TRÍ	13/10/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
298	HL19_270	NGUYỄN THANH PHONG	01/01/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
299	TA19_348	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	14/11/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
300	TQ19_357	TRẦN HUY HOÀNG	01/07/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
301	KL19_380	HUỲNH NGỌC KHOA	04/02/1986	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
302	MH19_381	MAI MINH NHỰT	10/10/1992	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
303	HL19_384	NGUYỄN HUỲNH NAM	17/08/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
304	KL19_387	ĐỖ QUANG ĐẠT	12/10/1992	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
305	LN19_392	PHAN THỊ THANH LOAN	12/07/1992	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
306	LT19_403	NGUYỄN NGỌC LAN ĐÀO	20/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
307	MH19_429	ĐINH NHẬT LINH	08/10/1982	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
308	MH19_451	LÊ NGUYỄN ĐÌNH LỘC	04/06/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
309	LT19_457	PHẠM NGUYỄN THIÊN HUY	09/09/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
310	TT19_475	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	15/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
311	MH19_479	NGUYỄN THỊNH ĐẠT	15/05/1993	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
312	MH19_530	LÂM TÂN HOÀNG	17/06/1993	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
313	TT19_533	NGÔ THANH TUẤN	29/08/1990	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
314	TQ19_535	NGUYỄN QUỐC HÙNG	01/01/1989	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
315	LT19_537	KIM VĂN Toán	18/05/1992	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
316	TQ19_540	NGUYỄN THỊ GIAO	26/06/1992	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
317	MH19_566	ĐINH VŨ	23/08/1991	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
318	BN19_586	NGUYỄN ĐỨC ANH TUẤN	05/09/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
319	HL19_2	DƯƠNG CÔNG ĐỨC HUY	25/10/1992	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
320	TT19_15	PHAN ĐẶNG THÙY TRANG	04/11/1989	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
321	LT19_33	NGUYỄN THỊ PHI PHƯƠNG	28/11/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
322	TT19_44	VÕ THỊ QUỲNH TRANG	05/06/1978	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
323	TT19_74	HUỶNH THẾ NGHĨA	29/09/1983	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
324	TT19_76	NGUYỄN HUỶNH TRÂM ANH	04/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
325	TQ19_93	LƯU HOÀNG LINH	16/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
326	HL19_100	PHAN THỊ NGỌC PHƯƠNG	18/05/1992	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
327	HL19_125	TRẦN THỊ CẨM MIỀN	24/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
328	MH19_126	PHẠM THÁI THANH	05/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
329	LT19_127	NGÔ THỊ CẨM TIỀN	12/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
330	TT19_128	HỒ THỊ HIẾU	31/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
331	MH19_150	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	18/02/1989	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
332	LN19_157	NGUYỄN THỊ ÁI NGÂN	12/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
333	TT19_159	LÊ VĂN HUY	20/06/1983	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
334	TQ19_167	LÊ THỊ ĐÀO	15/02/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
335	TQ19_203	NGUYỄN THU THẢO	10/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
336	LN19_222	ĐINH THỊ TƯỜNG QUANH	26/11/1991	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
337	LT19_234	NGUYỄN ANH QUÂN	19/05/1996	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
338	TQ19_239	LÊ THỊ THU HÀ	26/03/1986	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
339	TT19_260	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	23/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
340	MH19_280	TRẦN PHƯƠNG QUỲNH ANH	21/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
341	HD19_286	CHÂU TIỂU LINH	02/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
342	LN19_290	LÊ PHƯỚC THỊNH	28/12/1994	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
343	TQ19_291	HÀ THỊ TUYẾT TRINH	23/03/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
344	TT19_376	NGUYỄN THỊ HOÀN	20/05/1989	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
345	KL19_406	LÝ THỊ NGỌC LINH	10/01/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
346	LN19_417	LINH NGỌC CHĂM	11/07/1992	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
347	HD19_438	NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG	20/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
348	LN19_440	NGUYỄN VIỆT KIỀU ANH	06/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
349	TT19_443	ĐỖ THỊ HOÀNG YẾN	25/12/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
350	LN19_452	TẠ THỊ XUÂN HÒA	29/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
351	MH19_485	NGUYỄN NGỌC THIÊN	22/06/1996	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
352	BN19_508	TRẦN NGỌC TUYẾT TRÂM	08/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
353	TT19_514	VÕ THU NGÂN	27/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
354	HD19_516	LƯƠNG TRẦN NGỌC QUỲNH	04/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
355	HL19_163	LÊ THÀNH NHÂN	24/05/1988	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
356	HL19_235	PHẠM TRỌNG HUYNH	02/07/1986	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
357	TQ19_363	VÕ THỊ VÂN	07/10/1990	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
358	HL19_401	NGUYỄN BÌNH AN	22/02/1979	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
359	HL19_410	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG TRINH	19/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
360	KL19_449	PHAN NGỌC PHỤNG	23/02/1980	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
361	KL19_495	TRẦN THẢO NGỌC	01/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
362	LT19_496	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN	18/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
363	KL19_498	CHÂU THỊ MINH PHƯƠNG	23/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
364	LT19_515	NGUYỄN THỊ NỮ	01/06/1976	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
365	LN19_568	TRẦN XUÂN BÍCH ANH	17/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
366	LN19_604	LÊ PHONG PHÚ	23/11/1996	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
367	TT19_17	LÊ THỊ HẢI YẾN	24/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
368	LT19_19	NGUYỄN NGỌC DŨNG	28/12/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
369	BN19_22	TSẦN CỒNG LÔNG	07/11/1983	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
370	TQ19_26	TRẦN PHƯƠNG NHƯ	30/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
371	KL19_27	NGUYỄN THANH HẢI	13/08/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
372	MH19_32	TRẦN NGỌC HIỀN	14/01/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
373	HL19_36	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	12/12/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
374	HD19_40	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG	25/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
375	LT19_48	TRẦN THIÊN BÌNH	08/02/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
376	HD19_51	HUỲNH NGỌC PHỤNG	14/12/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
377	TQ19_54	NGÔ THỊ LỆ	12/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
378	LT19_68	LÂM VĂN GIỒNG	30/08/1985	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
379	LT19_73	ĐỖ THANH HÙNG	19/02/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
380	MH19_75	HUỲNH THỊ HÒA	27/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
381	MH19_78	VÕ BẢO THẠCH	21/04/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
382	BN19_81	HUỲNH THỊ TUYẾT MAI	16/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
383	LN19_88	NGUYỄN THÀNH CÔNG	07/08/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
384	HL19_90	TRẦN HUỲNH THẢO LY	17/10/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
385	KL19_102	NGUYỄN THÚY AN	07/10/1984	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
386	LN19_105	TRIỆU VĨ THUẬN	27/02/1984	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
387	LT19_121	LÊ THỊ BÍCH THỦY	09/02/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
388	MH19_123	NGUYỄN HỮU ĐÌNH	06/11/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
389	TQ19_151	NGÔ QUỐC KHOA	12/11/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
390	MH19_156	NGUYỄN HOÀNG DUY MINH	05/09/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
391	HL19_170	LÊ NHẤT DUY	20/05/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
392	TQ19_171	LƯU THỊ MỀN	24/08/1991	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
393	HL19_179	TRẦN HỒNG PHÚC	02/06/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
394	TQ19_183	NGUYỄN KHÁNH TRỌNG	21/08/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
395	TT19_187	NGUYỄN THỊ THANH NGUYỄN	21/12/1991	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
396	MH19_192	TRẦN ĐÌNH KHẢI	18/07/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
397	MH19_195	NGUYỄN HUỖNH NAM	13/03/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
398	LT19_196	ĐẶNG HỮU CHUNG	13/07/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
399	BN19_206	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	22/07/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
400	HD19_209	HUỖNH BÁ PHƯỚC	19/07/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
401	TT19_213	BÙI THUY KHÁNH VI	01/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
402	HL19_214	NGUYỄN HUỖNH THÀNH NHÂN	20/03/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
403	TQ19_226	NGUYỄN TRẦN PHONG	04/10/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
404	KL19_229	VÕ HOÀNG PHƯƠNG	13/01/1990	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
405	TT19_253	HUỖNH THỊ LINH	18/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
406	BN19_269	NGUYỄN XUÂN THÂN	15/04/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
407	LN19_272	BÙI TIẾN LỘC	19/02/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
408	LT19_275	NGUYỄN THUY DƯƠNG	20/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
409	LN19_285	TRẦN VĂN THẠCH	12/10/1976	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
410	KL19_295	HÀ MINH SƠN	13/05/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
411	TQ19_300	LÊ HOÀNG KHA	14/11/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
412	KL19_303	TRẦN HÙNG TRÁNG	10/06/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
413	TQ19_304	ĐẶNG KIM YẾN	12/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
414	HD19_307	THÁI PHẠM NHƯ NGỌC	22/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
415	TQ19_309	TRẦN DUY CƯỜNG	05/11/1990	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
416	LT19_313	NGUYỄN HỮU KHÔI	20/04/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
417	LN19_315	NGUYỄN THÀNH CÔNG	17/09/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
418	LN19_322	PHẠM THỊ ANH THƠ	01/05/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
419	TQ19_332	ĐOÀN THỊ CẨM TIÊN	27/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
420	LN19_334	PHẠM THỊ THANH HẰNG	04/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
421	TQ19_341	LÊ THỊ CẨM HƯƠNG	20/08/1984	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
422	BN19_347	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	03/12/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
423	LN19_358	NGUYỄN THANH DŨNG	16/10/1984	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
424	LN19_360	DƯƠNG HỒ KIM TRINH	03/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
425	LN19_364	NGUYỄN NGỌC TÂM	25/10/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
426	BN19_367	PHẠM THỊ BÍCH HÀ	11/06/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
427	LN19_368	HÀ TRUNG NGHĨA	06/08/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
428	TT19_369	TRẦN THẾ QUANG	26/03/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
429	HL19_378	BIỆN TẤN NHẤT HUY	08/02/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
430	TT19_390	HOÀNG THỊ HIỆP	06/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
431	LT19_391	CAO THỊ AN	06/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
432	BN19_396	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THUẬN	13/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
433	LN19_400	PHẠM THỊ HIỀN	03/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
434	MH19_404	HOÀNG THỊ HÀ	05/05/1987	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
435	TT19_405	NGUYỄN ĐĂNG LÂN	10/09/1970	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
436	HL19_415	NGUYỄN THIÊN PHÚC	26/08/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
437	LT19_436	TRẦN THỊ MỘNG TUYỀN	10/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
438	LT19_442	VÕ THANH TÂN	01/12/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
439	LN19_446	PHẠM XUÂN QUỲNH	05/05/1982	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
440	HL19_447	VÕ THỊ HỒNG SƯƠNG	21/10/1991	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
441	KL19_455	ĐOÀN MINH TÂN	22/01/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
442	HL19_462	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	30/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
443	LT19_464	LƯƠNG THỊ LIÊN	20/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
444	TT19_465	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	01/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
445	TQ19_474	ĐÀO THÙY TIỀN	03/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
446	LT19_487	NGUYỄN THỊ TUYẾT MẪN	02/09/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
447	KL19_488	BÙI THANH TÂN	17/09/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
448	MH19_489	NGUYỄN THỊ THẨM	01/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
449	HD19_500	TRẦN TRUNG TÍN	27/10/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
450	HD19_511	HÀ THỊ MAI	13/04/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
451	TQ19_512	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	10/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
452	HL19_513	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG LONG	20/08/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
453	BN19_519	NGUYỄN TƯỜNG NHIÊN	10/03/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
454	TT19_521	NGUYỄN THỊ HẢI NAM	04/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
455	TT19_523	PHÙNG ĐỖ THIẾT SANG	26/12/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
456	HD19_534	NGUYỄN THỊ HÀN THUYỀN	19/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
457	LT19_543	VÕ THỊ KIM PHƯƠNG	15/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
458	TT19_544	NGUYỄN TRẦN LAN CHI	12/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
459	LN19_548	ĐINH QUỐC HIỀN	20/09/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
460	TT19_551	HỒ THỊ NGỌC HOA	21/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
461	MH19_560	NGUYỄN THỊ NHẬT HÀ	04/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
462	HL19_561	ĐẶNG THỊ NGỌC YÊN	01/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
463	HL19_564	TRỊNH TUẤN HIỀN	22/04/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
464	TT19_567	NGUYỄN THỊ BẢO KHUYẾN	09/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
465	TQ19_569	LÊ THỊ THU HƯỜNG	28/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
466	KL19_572	LÊ ĐÌNH NGUYỄN	22/06/1985	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
467	LT19_579	VĂN CÔNG TRƯỜNG	14/12/1984	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
468	LT19_583	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	18/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
469	LN19_585	PHẠM THỊ XUÂN	04/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
470	TQ19_590	TIÊU BÙU VINH	08/08/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
471	HL19_593	NGUYỄN VĂN TIỀN	06/09/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
472	LN19_600	LÊ PHẠM MINH THÁI	15/03/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
473	TT19_606	HOÀNG THỊ HOÀI THU	10/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
474	HD19_609	LÊ THỊ BẢO LINH	25/11/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
475	KL19_614	PHAN HOÀNG PHÚC	23/05/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
476	LT19_615	VÕ QUỐC TRUNG	10/09/2019	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
477	LT19_622	NGÔ TRẦN THÚY TIỀN	10/11/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
478	BN19_627	VÕ THỊ THANH THẢO	27/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
479	TQ19_632	NGUYỄN XUÂN DUY BẢO	29/12/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
480	LT19_633	ĐẶNG THỊ NGÂN	20/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
481	KL19_634	BÙI ĐỨC THIÊN NGỌC SƠN	17/02/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
482	HD19_656	NGUYỄN THỊ TRANG	10/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
483	HL19_661	TRẦN HUY LIÊM	06/04/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
484	TT19_668	HUỖNH ANH Kiệt	23/07/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
485	LN19_669	CAO THỊ NGỌC TRÂM	01/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
486	HL19_673	HÀ BẢO TÂM	28/02/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
487	TT19_674	NGUYỄN MINH HUY	14/04/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
488	LN19_693	QUÁCH THỊ MỸ DUNG	29/06/1979	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
489	LT19_695	ĐẶNG MINH TRUNG	25/04/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
490	LT19_708	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	02/01/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
491	TQ19_709	NGUYỄN THỊ KIM LỆ	16/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
492	HL19_712	TĂNG XUÂN SƠN	21/05/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
493	TQ19_713	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	06/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
494	KL19_721	TÔ HOÀNG THẬT	24/03/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
495	MH19_730	NGUYỄN CÔNG HỮU	04/12/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
496	LN19_731	NGUYỄN TUẤN ANH	15/10/1985	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
497	LT19_744	PHAN THỊ MỸ UYÊN	14/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
498	TQ19_747	CHÂU NGỌC VINH	15/02/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
499	LN19_748	NGÔ THỊ MINH TÂM	17/11/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
500	TT19_753	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	15/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
501	BN19_757	CÙ MINH KHƯƠNG	01/01/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
502	TT19_759	NGUYỄN KHOA ANH TUẤN	01/03/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
503	BN19_762	LÊ THỊ HẢI NGỌC	02/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
504	TQ19_764	DƯƠNG HOÀNG HẢI	20/11/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
505	TT19_767	TẮT VỆ TÂM	27/10/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
506	LN19_769	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	18/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
507	TQ19_776	NGUYỄN THỊ HUỆ	09/09/1988	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
508	KL19_781	NGUYỄN THỊ XUÂN CHI	01/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
509	LN19_784	HỒ THỊ MINH NGÀ	10/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
510	TQ19_790	NGUYỄN THỊ THU HÒA	15/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
511	HD19_4	NGUYỄN THỊ TỔ NGÀ	30/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
512	HD19_18	TÔ NHẢ VY	15/04/1990	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
513	TT19_25	TRẦN THỊ HOÀNG QUYÊN	03/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
514	BN19_30	TRẦN CHÍ THÀNH	26/10/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
515	KL19_39	NGUYỄN THỊ THỦY QUYÊN	13/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
516	TQ19_49	ĐOÀN THỊ BÌNH	18/06/1991	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
517	KL19_62	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	29/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
518	MH19_64	LÊ MINH HOÀNG	20/04/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
519	TQ19_70	NGUYỄN MINH PHÚC	10/08/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
520	KL19_122	TRẦN VĨNH TIẾN	15/01/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
521	LN19_124	LÊ LƯƠNG VŨ	21/07/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
522	BN19_129	HOÀNG THỊ THÚY	16/07/1984	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
523	TQ19_137	LÊ THỊ PHƯƠNG	02/10/1989	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
524	HL19_138	VÕ TRẦN KHOA NGUYỄN	30/04/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
525	TT19_145	NGUYỄN ANH TUẤN	06/10/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
526	HL19_154	NGUYỄN LÊ HOÀNG SON	14/06/1991	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
527	KL19_155	TRẦN PHẠM TƯƠNG HỢP	12/03/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
528	BN19_158	NGUYỄN THÀNH CÔNG	12/10/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
529	TQ19_162	PHAN THỊ DIỄM TRANG	11/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
530	TT19_168	NGUYỄN THỊ THÚY VIÊN	12/08/1991	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
531	HL19_181	LƯU THỊ KIM ĐIỆP	21/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
532	TQ19_186	VÕ VĂN VƯƠNG	20/10/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
533	LT19_191	LÊ THỊ THỦY TIẾN	02/05/1983	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
534	MH19_200	TRẦN THỊ HỒNG HẢI	05/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
535	HD19_201	LÊ THỊ THẨM	27/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	<i>Nguyễn</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
536	HD19_218	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	06/08/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
537	HL19_231	CHU VĂN HẬU	13/09/1984	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
538	KL19_246	NGUYỄN VĂN MẠNH	22/02/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
539	HD19_254	ĐẬU THỊ LOAN	08/10/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
540	LN19_263	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	27/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
541	TQ19_264	NGUYỄN KIM PHÁT	02/01/1983	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
542	LN19_267	HỒ ĐÌNH TRUNG	24/12/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
543	TQ19_278	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	09/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
544	LT19_282	NGUYỄN MINH BẢO	12/08/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
545	TQ19_284	TRANG BÍCH LOAN	20/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
546	LN19_302	VÕ THỊ THU THỦY	27/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
547	KL19_308	ĐỖ THÙY LINH	20/06/1986	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
548	BN19_311	NGUYỄN BẢO NHƠN	20/02/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
549	LN19_312	PHẠM Y VÂN	21/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
550	BN19_318	NGUYỄN ANH THƯ	21/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
551	HD19_331	NGŨ NHƯ LONG	25/04/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
552	TT19_333	THÂN ÁI	07/08/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
553	HD19_336	LÊ TRƯỜNG DUY	09/05/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
554	MH19_340	NGUYỄN THỊ THU BA	29/06/1987	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
555	HL19_342	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	23/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
556	LT19_353	TRỊNH THỊ THỦY ANH	16/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
557	MH19_362	NGUYỄN THÁI NGỌC	14/04/1980	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
558	MH19_371	VY ANH VƯƠNG	25/09/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
559	HL19_374	TRẦN KIM TRANG	13/03/1990	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
560	LN19_386	NGUYỄN ÁNH NGỌC	22/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
561	TT19_394	TRƯƠNG QUANG HIẾN	04/01/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
562	TQ19_402	TRẦN THỊ MỸ PHƯỢNG	23/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
563	TQ19_416	MAI THANH HIỆP	02/05/1992	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
564	KL19_418	PHAN THỊ MINH CHÂU	22/02/1982	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
565	HL19_421	LÊ THỊ PHI THUYỀN	01/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
566	HL19_423	ĐỖ ÁNH NGỌC	18/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
567	TT19_427	CHUNG ANH CÔNG THOẠI	18/06/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
568	KL19_461	PHAN THỊ HẢI DƯƠNG	26/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
569	LN19_463	LÊ HOÀNG CÁT TIỀN	16/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
570	HL19_470	HUỲNH THỊ MỸ DUYỀN	06/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
571	HD19_476	NGUYỄN THỊ XUÂN THƯ	04/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	<i>Nguyễn</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
572	TQ19_483	ĐÀM VIỆT THẮNG	03/07/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
573	HD19_484	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	21/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
574	HD19_491	LÊ NHẬT CHƯƠNG	12/04/1986	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
575	KL19_493	KIM YẾN	09/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
576	BN19_494	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	27/12/1980	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
577	TQ19_526	BÙI BÍCH THẢO	05/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
578	LT19_531	HỒ THỊ THẢO NƯƠNG	20/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
579	KL19_532	TÔ THỊ NGỌC LỢI	04/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
580	TT19_538	NGUYỄN TRỌNG QUỐC	22/09/1989	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
581	HL19_554	TRẦN THỊ HUYỀN	01/02/1982	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
582	TT19_573	TẠ THỊ NGÀ	10/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
583	LN19_574	PHẠM THANH SANG	23/07/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
584	MH19_581	NGUYỄN THỊ HẰNG	30/06/1985	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
585	HL19_589	VÕ MINH THÀNH	01/04/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
586	BN19_608	NGUYỄN TUYẾT TRINH	30/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
587	LN19_623	PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	17/12/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
588	LT19_625	HOÀNG VĂN ANH	06/02/1983	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
589	TQ19_626	TRẦN THỊ VINH	02/01/1986	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
590	BN19_645	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	17/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
591	HL19_647	VÕ TIỀN ANH	10/04/1993	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
592	KL19_652	NGUYỄN HOÀNG LỰC	04/08/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
593	LT19_655	NGUYỄN ĐĂNG TÀI	15/11/1983	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
594	BN19_663	LÊ THỊ HƯỜNG	05/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
595	HL19_16	LÊ THỊ CẨM TIỀN	13/07/1992	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
596	KL19_34	TRƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN	29/09/1993	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
597	TT19_69	LÊ QUỐC ĐẠT	19/03/1983	Nam	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
598	HL19_107	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	26/01/1993	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
599	TQ19_143	TRƯƠNG VĂN QUÝ	23/10/1987	Nam	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
600	TT19_207	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	01/02/1985	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
601	TT19_241	NGUYỄN THU MÂY	20/11/1982	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
602	MH19_243	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	01/09/1987	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
603	HL19_287	BÙI THỊ HẰNG	28/03/1990	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
604	LT19_296	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/09/1979	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
605	TQ19_314	PHẠM THỊ MINH THƠ	28/07/1977	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
606	LT19_41	TRẦN THỊ CẨM LOAN	04/12/1967	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
607	LN19_53	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	05/02/1985	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	<i>Nguyễn</i>

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
608	LT19_56	VŨ THỊ YẾN NHUNG	07/02/1989	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
609	HL19_63	ĐOÀN THỊ THÚY TRÂN	26/07/1998	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
610	LT19_84	PHẠM THU THANH	04/09/1978	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
611	HL19_98	LÊ TRẦN NGỌC DUNG	03/07/1980	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
612	TT19_99	VŨ THỊ PHUƠNG	13/09/1980	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
613	BN19_108	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	12/10/1989	Nam	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
614	LT19_109	LƯƠNG THỊ VƯỢNG	16/03/1985	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
615	LT19_116	TRẦN NGỌC HỮU TÀI	23/01/1992	Nam	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
616	TT19_180	LÊ QUANG THÁI	04/05/1986	Nam	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
617	MH19_256	PHẠM THỊ CHUYỀN	11/07/1988	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
618	TQ19_38	TRẦN THỊ KIM TRĂNG	02/09/1985	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
619	LN19_82	ĐOÀN THỊ LOAN	28/12/1969	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
620	HD19_83	TẠ THỊ HẢI HIỀN	10/11/1984	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
621	HL19_94	HỒ THỊ DIỄM MAI	31/05/1982	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
622	TQ19_130	LÊ THỊ HẬN	29/03/1978	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
623	LN19_193	TÔ THỊ PHƯƠNG TRANG	22/12/1990	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
624	LN19_298	LÊ ANH CHUNG	20/04/1990	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
625	TT19_319	TRẦN VĂN NGỌC ANH	18/08/1981	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	

Tổng danh sách có **625** người./

Nguyễn